



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

HỌ TÊN VÀ CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI CHẾ

ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

NỘI DUNG

Ngày lập báo cáo tài chính

Đơn vị lập báo cáo tài chính

Địa chỉ đơn vị lập báo cáo tài chính

Số báo cáo tài chính

Ngày lập báo cáo tài chính

Địa chỉ đơn vị lập báo cáo tài chính

Số báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-37

01
CÔ
CH
NG
A
1/1

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 09/02/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hồng Anh	Ủy viên
Bà Trần Thị Lệ Châm	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hà Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
	Miễn nhiệm từ ngày 21/09/2021
Ông Bùi Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hà Hồng Thúy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Phú Cường	Trưởng ban
Bà Đường Thị Hồng Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Chữ ký Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2022

Số: 300322.027 /BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được lập ngày 05 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 080421.006/BCTC.KT2 ngày 08 tháng 04 năm 2021 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về một số vấn đề. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty, cụ thể như sau:

Tài sản cố định

Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao của tài sản cố định hữu hình là các tài sản trên lô đất số 15 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và dây chuyền bánh mềm đã ngừng sản xuất từ các năm trước. Điều này dẫn đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các năm giảm đi tương ứng. Cụ thể như sau:

- Khấu hao ghi nhận thiếu của các tài sản trên lô đất số 15 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 4,54 tỷ đồng (bao gồm: Khấu hao năm 2021 là 0,22 tỷ đồng, năm 2020 là 0,23 và khấu hao lũy kế của các năm tài chính trước lũy kế đến 31/12/2020 là 4,32 tỷ đồng).
- Khấu hao ghi nhận thiếu trong năm 2018 của dây chuyền bánh mềm là 3,32 tỷ đồng.

Nếu Công ty ghi nhận đúng theo chế độ kế toán hiện hành thì trên Bảng Cân đối kế toán, chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" - Mã số 221 tại ngày 01/01/2021 và 31/12/2021 giảm đi tương ứng 7,63 tỷ đồng và 7,85 tỷ đồng; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" - Mã số 26 tăng lên 0,22 tỷ đồng, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm đi 0,22 tỷ đồng; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" - Mã số 26 tăng lên 0,23 tỷ đồng, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm đi 0,23 tỷ đồng.

Các khoản vay

Công ty chưa phân loại khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả tại thời điểm đầu năm và cuối năm. Nếu Công ty phân loại đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán, tại ngày 01/01/2021 và 31/12/2021, chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn" sẽ tăng lên số tiền lần lượt là 22,8 tỷ đồng và 20,3 tỷ đồng, đồng thời chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" tại ngày 01/01/2021 và 31/12/2021 sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Theo quy định tại Khoản 2, điều 275 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán về tư cách thành viên Hội đồng quản trị, theo đó Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty đại chúng. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu vẫn chưa tuân thủ quy định trên.

Theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 34, Luật Chứng khoán 2019, Công ty phải thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán ra công chúng. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty vẫn chưa hoàn tất việc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		281.640.518.617	327.642.549.627
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	43.596.054.520	39.438.864.841
111	1. Tiền		43.596.054.520	39.438.864.841
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		123.745.139.272	175.306.078.356
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	77.510.145.594	117.857.732.366
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	22.359.175.299	38.515.420.538
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	23.875.818.379	18.932.925.452
140	IV. Hàng tồn kho	7	93.776.541.368	92.172.726.318
141	1. Hàng tồn kho		93.776.541.368	92.172.726.318
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.522.783.457	20.724.880.112
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	10.000.004	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		20.431.299.219	20.696.756.822
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	81.484.234	28.123.290
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		370.085.166.088	355.245.654.921
220	II. Tài sản cố định		332.711.576.769	315.118.299.934
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	317.126.837.383	298.242.704.636
222	- Nguyên giá		551.612.008.600	503.712.117.732
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(234.485.171.217)	(205.469.413.096)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	15.584.739.386	16.875.595.298
225	- Nguyên giá		19.362.838.916	19.362.838.916
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.778.099.530)	(2.487.243.618)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		1.312.916.800	1.312.916.800
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.312.916.800)	(1.312.916.800)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	32.384.331.018	32.247.662.511
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		32.384.331.018	32.247.662.511
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.989.258.301	7.879.692.476
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.989.258.301	7.879.692.476
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		651.725.684.705	682.888.204.548

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		430.928.650.599	463.423.718.357
310	I. Nợ ngắn hạn		279.013.377.105	299.626.349.978
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	97.862.312.443	110.154.000.642
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		963.953.470	1.253.580.767
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	6.488.181.238	5.364.066.815
314	4. Phải trả người lao động		11.405.066.567	7.458.213.085
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	17.635.415.547	12.283.846.166
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.524.713.263	4.546.517.231
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	140.103.996.945	156.373.858.189
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.029.737.632	2.192.267.083
330	II. Nợ dài hạn		151.915.273.494	163.797.368.379
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	151.915.273.494	163.797.368.379
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		220.797.034.106	219.464.486.191
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	220.797.034.106	219.464.486.191
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		122.295.340.000	122.295.340.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		122.295.340.000	122.295.340.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25.863.334.000	25.863.334.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		3.448.146.918	3.448.146.918
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		60.101.936.123	59.497.490.262
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.088.277.065	8.360.175.011
421b	LNST chưa phân phối năm nay		9.088.277.065	8.360.175.011
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		651.725.684.705	682.888.204.548

Khúc Thị Minh Phương
Người lập

Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	661.238.538.907	614.226.819.393
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	1.567.228.638	2.210.369.121
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		659.671.310.269	612.016.450.272
11	4. Giá vốn hàng bán	22	525.377.054.693	498.752.672.383
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		134.294.255.576	113.263.777.889
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	36.897.834	454.108.867
22	7. Chi phí tài chính	24	19.389.198.398	19.700.473.157
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		18.088.107.110	19.112.762.007
25	8. Chi phí bán hàng	25	75.711.913.986	55.225.469.392
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.221.456.194	28.389.075.433
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.008.584.832	10.402.868.774
31	11. Thu nhập khác	27	297.327.175	160.632.251
32	12. Chi phí khác	28	499.648.704	44.704.438
40	13. Lợi nhuận khác		(202.321.529)	115.927.813
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.806.263.303	10.518.796.587
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	2.587.986.237	2.158.621.576
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.218.277.066	8.360.175.011
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	764	684

Khúc Thị Minh Phương
Người lập

Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		725.013.219.300	671.797.528.271
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(525.552.833.845)	(506.784.702.124)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(59.123.456.637)	(57.488.825.822)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(16.183.437.759)	(19.195.621.802)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.229.994.970)	(1.787.729.809)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		455.197.259	829.976.205
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(33.747.650.786)	(39.563.118.431)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		89.631.042.562	47.807.506.488
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(50.269.104.830)	(24.457.808.634)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		36.897.834	31.552.630
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(50.232.206.996)	(24.426.256.004)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		399.876.515.142	466.664.943.107
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(422.989.831.158)	(464.941.420.656)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(5.038.640.113)	(4.862.035.676)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.071.077.490)	(12.236.991.880)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(35.223.033.619)	(15.375.505.105)
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		4.175.801.947	8.005.745.379
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		39.438.864.841	31.433.119.462
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(18.612.268)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	43.596.054.520	39.438.864.841

Khúc Thị Minh Phương
Người lập

Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 09/02/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 122.295.340.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 122.295.340.000 đồng; tương đương 12.229.534 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 454 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 596 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất bánh kẹo, sô cô la, gia vị, mì ăn liền và chế biến các loại thực phẩm khác;
- Kinh doanh các loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu I

Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu II

Địa chỉ

Hung Yên

Nghệ An

Hoạt động kinh doanh chính

Sản xuất thực phẩm

Sản xuất thực phẩm

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	10 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận cố định hàng năm, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng và ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản từ BCC đối với khoản được chia khi có thông báo từ BCC.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 24 đến 36 tháng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đổi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí sản xuất kinh doanh... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu là doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm, đồng thời chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	6.883.062.699	2.895.437.469
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.712.991.821	36.543.427.372
	<u>43.596.054.520</u>	<u>39.438.864.841</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - TCT Mía đường I	4.389.161.787	-	11.831.528.075	-
- Công ty CP mía đường Sơn Dương	6.555.346.437	-	2.786.289.602	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Anh	6.271.313.179	-	17.450.674.606	-
- Đại lý Hoàng Thị Hiền	5.350.632.151	-	12.287.467.979	-
- Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Viger	2.648.925.733	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	52.294.766.307	-	73.501.772.104	-
	77.510.145.594	-	117.857.732.366	-
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	11.227.878.795	-	15.299.413.770	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

5 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	11.997.503.370	-	18.309.181.920	-
- Công ty CP mía đường Sơn Dương	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - TCT Mía đường I	4.891.652.620	-	13.431.101.019	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	3.470.019.309	-	4.775.137.599	-
	22.359.175.299	-	38.515.420.538	-
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	18.889.155.990	-	33.740.282.939	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	19.527.913.401	-	13.739.917.285	-
Ký cược, ký quỹ	3.153.876.000	-	3.153.876.000	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	1.194.028.978	-	2.039.132.167	-
	23.875.818.379	-	18.932.925.452	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	70.801.063.759	-	64.439.085.920	-
Công cụ, dụng cụ	2.667.259.025	-	3.282.569.921	-
Thành phẩm	19.847.174.979	-	24.282.115.454	-
Hàng hoá	461.043.605	-	168.955.023	-
	93.776.541.368	-	92.172.726.318	-

8 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Mua sắm máy móc thiết bị tại nhà máy Hưng Yên	148.771.996	148.771.996
- Công trình dự án Nhà văn phòng 15 Mạc Thị Bưởi (1)	17.216.924.727	17.216.924.727
- Công trình dự án Nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai (2)	14.523.800.801	14.523.800.801
- Dự án nhà máy tại Vĩnh Long	494.833.494	358.164.987
	32.384.331.018	32.247.662.511

Thông tin chi tiết về một số dự án của Công ty:

(1) Công trình dự án Nhà văn phòng 15 Mạc Thị Bưởi:

Công ty thực hiện ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Tập đoàn Picensa Việt Nam (Picensa) phục vụ công việc triển khai dự án Văn phòng thương mại, công trình hỗn hợp, nhà ở cao tầng và thấp tầng trên khu đất có diện tích khoảng 18.000 m² tại địa chỉ số 15 và 17 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Theo đó, Công ty trao quyền cho Picensa toàn quyền thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Picensa tổ chức thực hiện, quản lý, hạch toán toàn bộ nguồn thu, nguồn chi, chi phí phát sinh liên quan đến dự án và chịu trách nhiệm về mọi rủi ro hoặc hiệu quả kinh tế của dự án; Picensa được quyền sở hữu, định đoạt các sản phẩm hình thành từ dự án, Công ty đồng ý chấp thuận chi nhận và hưởng lợi ích cố định từ dự án là 100 tỷ đồng. Chi phí ghi nhận đến thời điểm 31/12/2021 của dự án này bao gồm chi phí khảo sát thiết kế và chi phí thanh lý hợp đồng hợp tác với đối tác cũ.

(2) Công trình dự án nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai

Chi phí tập hợp liên quan đến dự án này bao gồm chi phí xây dựng 12.345.264.716 đồng và các chi phí tư vấn thiết kế. Hiện nay dự án đang tạm dừng triển khai và dự kiến tiếp tục triển khai sau khi thực hiện dự án nhà văn phòng 15 Mạc Thị Bưởi.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

9 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	213.926.859.507	274.810.365.003	13.470.147.868	1.504.745.354	503.712.117.732
- Mua trong năm	5.413.000.000	40.905.198.505	260.000.000	-	46.578.198.505
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	3.554.237.818	-	3.554.237.818
- Phân loại lại	(1.317.496.134)	1.598.011.134	-	(280.515.000)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.232.545.455)	-	(2.232.545.455)
Số dư cuối năm	218.022.363.373	317.313.574.642	15.051.840.231	1.224.230.354	551.612.008.600
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	64.089.228.994	131.260.725.997	8.971.304.567	1.148.153.538	205.469.413.096
- Khấu hao trong năm	8.820.623.731	19.183.752.771	974.123.999	37.257.620	29.015.758.121
- Phân loại lại	(1.323.333.115)	1.115.589.562	200.543.553	7.200.000	-
Số dư cuối năm	71.586.519.610	151.560.068.330	10.145.972.119	1.192.611.158	234.485.171.217
Giá trị còn lại	149.837.630.513	143.549.639.006	4.498.843.301	356.591.816	298.242.704.636
Tại ngày đầu năm	146.435.843.763	165.753.506.312	4.905.868.112	31.619.196	317.126.837.383
Tại ngày cuối năm					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 87.023.015.276 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 63.171.568.935 đồng.

10 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Toàn bộ tài sản cố định thuế tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị sản xuất bánh kẹo tại nhà máy Hưng Yên với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2021 lần lượt là 19.362.838.916 đồng và 3.778.099.530 đồng. Khấu hao trong năm là 1.290.855.912 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.071.266.800	241.650.000	1.312.916.800
Số dư cuối năm	<u>1.071.266.800</u>	<u>241.650.000</u>	<u>1.312.916.800</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.071.266.800	241.650.000	1.312.916.800
Số dư cuối năm	<u>1.071.266.800</u>	<u>241.650.000</u>	<u>1.312.916.800</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.000.004	-
	<u>10.000.004</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định	216.693.377	1.113.935.111
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.772.564.924	6.765.757.365
	<u>4.989.258.301</u>	<u>7.879.692.476</u>

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	4.550.929.232	4.550.929.232	14.738.577.844	14.738.577.844
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư Văn Chương	15.803.540.635	15.803.540.635	42.592.827.041	42.592.827.041
- Công ty TNHH Văn Chương	8.833.053.206	8.833.053.206	8.236.560.805	8.236.560.805
- Công ty TNHH Hồng Dương	13.280.307.150	13.280.307.150	7.798.167.000	7.798.167.000
- Công ty TNHH Phát Đại Lợi	10.477.980.000	10.477.980.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	44.916.502.220	44.916.502.220	36.787.867.952	36.787.867.952
	<u>97.862.312.443</u>	<u>97.862.312.443</u>	<u>110.154.000.642</u>	<u>110.154.000.642</u>
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	<u>20.344.109.647</u>	<u>20.344.109.647</u>	<u>57.331.404.885</u>	<u>57.331.404.885</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	13.122.400	3.658.645.875	21.913.120.214	22.110.270.101	81.484.234	3.529.857.822						
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	15.000.890	-	100.548.598	85.547.708	-	-						
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.158.621.575	2.580.344.167	1.229.994.970	-	2.508.970.772						
Thuế Thu nhập cá nhân	-	546.799.365	160.520.973	257.967.694	-	449.352.644						
Thuế Tài nguyên	-	-	935.490	935.490	-	-						
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	3.093.180.899	3.093.180.899	-	-						
Các loại thuế khác	-	-	6.489.086	6.489.086	-	-						
	28.123.290	5.364.066.815	27.855.139.427	26.784.385.948	81.484.234	6.488.181.238						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	2.152.978.221	248.308.870
- Chi phí hỗ trợ nhà phân phối, đại lý	13.855.347.459	9.491.026.762
- Chi phí vận chuyển	1.487.089.867	2.474.510.534
- Chi phí phải trả khác	140.000.000	70.000.000
	<u><u>17.635.415.547</u></u>	<u><u>12.283.846.166</u></u>

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	434.372.424	217.416.144
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	266.642.910	-
- Các khoản đặt cọc, thế chấp và ký quỹ	643.830.014	1.365.486.643
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.159.867.915	2.943.614.444
	<u><u>2.524.713.263</u></u>	<u><u>4.546.517.231</u></u>

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HÁI CHÂU
Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	156.373.858.189	156.373.858.189	375.472.086.642	391.741.947.886	140.103.996.945	140.103.996.945
- Vay Ngân hàng	156.373.858.189	156.373.858.189	375.472.086.642	391.741.947.886	140.103.996.945	140.103.996.945
	156.373.858.189	156.373.858.189	375.472.086.642	391.741.947.886	140.103.996.945	140.103.996.945
b) Vay dài hạn						
- Vay Ngân hàng	82.786.206.081	82.786.206.081	473.000.000	18.247.883.272	65.011.322.809	65.011.322.809
- Công ty Cổ phần Picensa Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
- Tổng Công ty mía đường I - CTCP	15.260.716.400	15.260.716.400	2.693.067.600	-	17.953.784.000	17.953.784.000
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	19.200.000.000	19.200.000.000	17.672.012.830	13.000.000.000	23.872.012.830	23.872.012.830
- Tổng Công Ty Mía Đường I	15.142.639.570	15.142.639.570	3.566.348.070	-	18.708.987.640	18.708.987.640
- Vay dài hạn cá nhân	11.407.806.328	11.407.806.328	-	5.038.640.113	6.369.166.215	6.369.166.215
- Nợ thuế tài chính dài hạn						
	163.797.368.379	163.797.368.379	24.404.428.500	36.286.523.385	151.915.273.494	151.915.273.494
	163.797.368.379	163.797.368.379			151.915.273.494	151.915.273.494

Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin liên quan đến khoản nợ thuê tài chính:

Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng số 2018-00238-000 ngày 21/12/2018 ký với bên cho thuê là Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam, với các thông tin chi tiết sau:

- Tổng giá trị nợ gốc là: 11.367.766.000 đồng;
- Tài sản thuê: Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh bao gồm: Máy làm bánh quy, máy làm Cookies, máy ép lương khô, máy sản xuất bánh mì, lò nướng quay;
- Thời hạn thuê: 48 tháng;
- Lãi suất: 7,76%/năm;
- Số dư nợ gốc còn phải trả cuối năm là 2.636.891.726 đồng (trong đó, nợ gốc phải trả trong năm tới là 2.636.891.726 đồng).

Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng số 2019-0034-000 ngày 24/03/2019 ký với bên cho thuê là Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam, với các thông tin chi tiết sau:

- Tổng giá trị nợ gốc là: 10.071.582.000 đồng;
- Tài sản thuê: Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh bao gồm: Máy sản xuất Cookies, dây chuyền nạp liệu và đóng gói bánh bông lan;
- Thời hạn thuê: 48 tháng;
- Lãi suất: 7,6%/năm;
- Số dư nợ gốc còn phải trả cuối năm là 3.732.274.489 đồng (trong đó, nợ gốc phải trả trong năm tới là: 2.357.195.178 đồng).

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngân hàng:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2021	Hình thức đảm bảo tiền vay
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	120.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	70.902.852.247	Tài sản đảm bảo
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	50.000.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thực phẩm của khách hàng	Từ ngày kí hợp đồng đến hết ngày 09/06/2022	Theo từng giấy nhận nợ	50.000.000.000	Tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	30.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng	Theo từng giấy nhận nợ	19.201.144.698	Tài sản đảm bảo
	Tổng cộng					140.103.996.945	

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KÉO HẢI CHÁU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2021	Hình thức đảm bảo tiền vay
I	Vay dài hạn ngân hàng					65.011.322.809	
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	1.109.250.000	Thanh toán bù đắp tiền khách hàng đã mua xe phục vụ hoạt động chuyên chở cán bộ công nhân viên của Công ty	48 tháng	Lãi suất thả nổi	2.301.073.987	Tài sản đảm bảo
1.1	Hợp đồng cho vay số 4913.18.065.29907.TD ngày 07/02/2018					23.109.375	Tài sản đảm bảo
1.2	Hợp đồng cho vay số 9413.18.065.29907.TD ngày 30/03/2018	2.025.082.780	Thanh toán bù đắp tiền mua máy làm bánh mì siêu mềm theo hợp đồng ngoại số KJ9447/17/J/NT ngày 16/08/2017	48 tháng	Lãi suất thả nổi	82.005.000	Tài sản đảm bảo
1.3	Hợp đồng cho vay số 9370.18.065.29907.TD ngày 30/03/2018	1.640.100.000	Thanh toán chi phí mua 01 dây chuyền sản xuất thạch tự động mới 100% xuất xứ Đài Loan	48 tháng	Lãi suất thả nổi	135.082.780	Tài sản đảm bảo
1.4	Hợp đồng cho vay số 13342.18.065.29907.TD ngày 26/04/2018	785.400.000	Thanh toán tiền mua máy bơm kem bánh mì sản xuất tại Việt Nam theo Hợp đồng số 55/2018/TMTVDT-HC ngày 28/02/2018	48 tháng	Lãi suất thả nổi	56.100.000	Tài sản đảm bảo
1.5	Hợp đồng cho vay số 33244.18.065.29907.TD ngày 21/09/2018	10.734.679.200	Thanh toán bù đắp 70% giá trị dây chuyền sản xuất bánh trung thu và manju	48 tháng	Lãi suất thả nổi	2.004.776.832	Tài sản đảm bảo
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội					59.791.039.100	
2.1	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/144344/HĐTD ngày 06/10/2017	35.267.000.000	Phát hành LC và thanh toán các chi phí đầu tư dây chuyền sản xuất bánh quy giòn, bánh quy cứng và bánh quy mềm	120 tháng	Lãi suất thả nổi	13.264.656.600	Tài sản đảm bảo
2.2	Hợp đồng tín dụng số 02/2018/144344/HĐTD ngày 08/08/2018	70.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	120 tháng	Lãi suất thả nổi	46.526.382.500	Tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên					2.500.000.000	
3.1	Hợp đồng cho vay số 159LBN/2018/HDCV ngày 16/11/2018	10.000.000.000	Bù đắp vốn cho Hợp đồng ngoại số 2018-0319-07/ GORRERI - HC ngày 09/02/2018	48 tháng	Lãi suất thả nổi	2.500.000.000	Tài sản đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KÉO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2021	Hình thức đảm bảo tiền vay
4	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	473.000.000	Thanh toán chi phí mua xe oto TOYOTA HILUX	60 tháng	7,5%/năm áp dụng trong suốt thời hạn cho vay	419.209.722	Tài sản đảm bảo
4.1	Hợp đồng tín dụng số 810600049030 ngày 17/05/2021					419.209.722	Tài sản đảm bảo
II	Công ty Cổ phần Picezza Việt Nam	20.000.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh	36 tháng	6,5%/năm, tháng đầu tiên của thời hạn vay không tính lãi	20.000.000.000	Tin chấp
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 02/2018/HC-PICENZA ngày 08/05/2018					20.000.000.000	Tin chấp
III	Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	5.386.135.200	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	17.953.784.000	Tin chấp
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2018/HC-SUGAR I					5.386.135.200	Tin chấp
2	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2018/HC-SUGAR I	39.999.996.000	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	9.874.581.200	Tin chấp
3	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2021/HC-VVKD ngày 31/10/2021	2.693.067.600	Bổ sung vốn kinh doanh	24 tháng	8%/năm trong suốt thời hạn vay	2.693.067.600	Tin chấp
IV	Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư Tổng Công ty Mía đường I	19.200.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	23.872.012.830	Tin chấp
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 772/2019/HC-SUGAR I					6.200.000.000	Tin chấp
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2021/HC-VVKD ngày 31/12/2021	13.399.360.930	Bổ sung vốn kinh doanh	24 tháng	8%/năm trong suốt thời hạn vay	13.399.360.930	Tin chấp
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 06/2021/HC-VVKD ngày 31/12/2021	4.272.651.900	Mua máy móc thiết bị phát sinh tại nhà máy Hưng Yên	24 tháng	8%/năm trong suốt thời hạn vay	4.272.651.900	Tin chấp
V	Các khoản vay cá nhân	15.142.639.570	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	18.708.987.640	Tin chấp
1	Theo các hợp đồng vay cá nhân cụ thể					18.708.987.640	Tin chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	57.989.979.087	15.263.383.528	224.860.183.533
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	8.360.175.011	8.360.175.011
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.507.511.175	(15.263.383.528)	(13.755.872.353)
Số dư cuối năm trước	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	59.497.490.262	8.360.175.011	219.464.486.191
Số dư đầu năm nay	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	59.497.490.262	8.360.175.011	219.464.486.191
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	9.218.277.066	9.218.277.066
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	604.445.861	(8.360.175.012)	(7.755.729.151)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(130.000.000)	(130.000.000)
Số dư cuối năm nay	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	60.101.936.123	9.088.277.065	220.797.034.106

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 420/NQ-HC-DHĐCD ngày 29/06/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	8.360.175.011
Trích Quỹ đầu tư phát triển	7,23%	604.445.861
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	418.008.750
Chi trả cổ tức (bằng 06% vốn điều lệ)	87,77%	7.337.720.400

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	36,70%	44.884.460.000	36,70%	44.884.460.000
Ông Nguyễn Văn Hội	15,42%	18.855.930.000	15,42%	18.855.930.000
Bà Cao Thị Hồng Liên	10,58%	12.939.360.000	10,58%	12.939.360.000
Ông Cao Chiến Thắng	6,99%	8.550.000.000	6,99%	8.550.000.000
Ông Bùi Hải Hà	18,17%	22.222.220.000	18,17%	22.222.220.000
Các cổ đông khác	12,14%	14.843.370.000	12,14%	14.843.370.000
	100%	122.295.340.000	100%	122.295.340.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	122.295.340.000	122.295.340.000
- Vốn góp đầu năm	122.295.340.000	122.295.340.000
- Vốn góp cuối năm	122.295.340.000	122.295.340.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	7.457.880
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	7.337.720.400	12.229.534.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	7.337.720.400	12.229.534.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(7.071.077.490)	(12.236.991.880)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(7.071.077.490)	(12.236.991.880)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	266.642.910	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.229.534	12.229.534
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.229.534	12.229.534
- Cổ phiếu phổ thông	12.229.534	12.229.534
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.229.534	12.229.534
- Cổ phiếu phổ thông	12.229.534	12.229.534
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	60.101.936.123	59.497.490.262
	60.101.936.123	59.497.490.262

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký kết các hợp đồng thuê đất với Nhà nước để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thông tin chi tiết về các lô đất thuê như sau:

<u>Vị trí</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Thời gian thuê</u>
Số 15 phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	17.465,0	Đến năm 2023
Ngõ 622 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	1.794,6	Đến năm 2043
Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	54.645,0	Đến năm 2057
Xã Quỳnh Lộc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	50.000,0	Đến năm 2069
b) Ngoại tệ các loại		
	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	104.350,42	35.972,40
- Đồng Euro (EUR)	2.175,28	2.186,86

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	654.997.291.891	607.743.577.317
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.241.247.016	6.483.242.076
	<u><u>661.238.538.907</u></u>	<u><u>614.226.819.393</u></u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u><u>4.451.004.479</u></u>	<u><u>8.725.915.290</u></u>

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.567.228.638	2.210.369.121
	<u><u>1.567.228.638</u></u>	<u><u>2.210.369.121</u></u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	525.377.054.693	498.752.672.383
	<u><u>525.377.054.693</u></u>	<u><u>498.752.672.383</u></u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u><u>280.193.815.314</u></u>	<u><u>381.454.784.774</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	36.897.834	31.552.630
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	395.780.414
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	26.775.823
	36.897.834	454.108.867

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	18.088.107.110	19.112.762.007
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.282.479.020	587.711.150
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	18.612.268	-
	19.389.198.398	19.700.473.157

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.054.161.494	1.841.667.088
Chi phí nhân công	14.636.656.704	9.782.842.229
Chi phí khấu hao tài sản cố định	637.603.837	744.798.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.067.085.866	19.687.413.164
Chi phí khác bằng tiền	41.316.406.085	23.168.748.146
	75.711.913.986	55.225.469.392

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	896.521.264	598.185.836
Chi phí nhân công	13.836.337.059	13.831.327.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.594.577.405	2.038.011.777
Thuế, phí, lệ phí	3.222.127.397	4.371.378.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.436.303.451	3.768.503.397
Chi phí khác bằng tiền	4.235.589.618	3.781.668.400
	27.221.456.194	28.389.075.433

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền phạt thu được	22.311.000	-
Thu nhập khác	275.016.175	160.632.251
	297.327.175	160.632.251

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	375.238.929	26.847.937
Chi phí khác	124.409.775	17.856.501
	499.648.704	44.704.438

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.806.263.303	10.518.796.587
Các khoản điều chỉnh tăng	738.590.559	274.311.289
- Chi phí không hợp lệ	551.546.291	274.311.289
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	18.612.268	-
- Chi phí khấu hao vượt trên 1,6 tỷ	168.432.000	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	12.544.853.862	10.793.107.876
Chi phí thuế TNDN năm nay	2.508.970.772	-
Thuế nhà thầu	13.297.577	-
Thuế nộp bổ sung theo QĐ Thanh tra (*)	153.759.513	-
Thuế TNDN nộp bổ sung năm 2020 - Lãi vay không được trừ	226.446.834	-
Thuế TNDN được giảm trừ theo QĐ của cơ quan thuế năm 2020 (**)	(314.488.459)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.587.986.237	2.158.621.576
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	(7.642.070)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.158.621.575	787.729.808
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.229.994.970)	(1.787.729.809)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.508.970.772	1.158.621.575

(*) Theo Quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 48724/QĐ-CTHN-TTKT9-XPVPHC ngày 23/11/2021 và Biên bản kiểm tra thuế tại Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu.

(**) Biên bản làm việc ngày 30/12/2020 giữa Cục thuế TP Hà Nội và Công ty Cổ phần Bánh Kẹo Hải Châu về việc xác định lại số thuế TNDN phải nộp năm 2018 theo quy định tại NĐ 20/2017/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại nghị định 68/2020/NĐ-CP của Chính phủ đối với Công ty.

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	9.218.277.066	8.360.175.011
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	130.000.000	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.348.277.066	8.360.175.011
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.229.534	12.229.534
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	764	684

Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo kế hoạch năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	436.699.499.955	400.929.944.017
Chi phí nhân công	68.951.557.388	39.715.609.514
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.306.614.033	30.198.358.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.950.463.652	31.115.183.910
Chi phí khác bằng tiền	45.967.349.370	80.608.732.199
	623.875.484.398	582.567.828.405

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.596.054.520	-	39.438.864.841	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	101.385.963.973	-	136.790.657.818	-
	144.982.018.493	-	176.229.522.659	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	292.019.270.439	320.171.226.568
Phải trả người bán, phải trả khác	100.387.025.706	114.700.517.873
Chi phí phải trả	17.635.415.547	12.283.846.166
	410.041.711.692	447.155.590.607

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.596.054.520	-	-	43.596.054.520
Phải thu khách hàng, phải thu khác	101.385.963.973	-	-	101.385.963.973
	<u>144.982.018.493</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>144.982.018.493</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.438.864.841	-	-	39.438.864.841
Phải thu khách hàng, phải thu khác	136.790.657.818	-	-	136.790.657.818
	<u>176.229.522.659</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>176.229.522.659</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	140.103.996.945	151.915.273.494	-	292.019.270.439
Phải trả người bán, phải trả khác	100.387.025.706	-	-	100.387.025.706
Chi phí phải trả	17.635.415.547	-	-	17.635.415.547
	258.126.438.198	151.915.273.494	-	410.041.711.692
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	156.373.858.189	163.797.368.379	-	320.171.226.568
Phải trả người bán, phải trả khác	114.700.517.873	-	-	114.700.517.873
Chi phí phải trả	12.283.846.166	-	-	12.283.846.166
	283.358.222.228	163.797.368.379	-	447.155.590.607

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	Cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	Chi nhánh của Tổng Công ty Mía đường I - CTCP
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam	Tổng Giám đốc là em ruột Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT
Bà Cao Thị Hồng Liên	Vợ Chủ tịch HĐQT

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	4.451.004.479	8.725.915.290
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	124.775.561	144.177.274
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	380.932.083	8.199.551.661
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	3.945.296.835	382.186.355
Mua hàng hóa, vật tư	280.193.815.314	381.454.784.774
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	73.195.703.178	42.549.469.726
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	206.998.112.136	338.905.315.048
Vay vốn	21.102.623.950	5.717.685.200
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	2.693.067.600	4.488.446.000
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	17.672.012.830	-
Bà Cao Thị Hồng Liên	737.543.520	1.229.239.200

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng	11.227.878.795	15.299.413.770
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	283.370.571	681.596.093
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	4.389.161.787	11.831.528.075
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	6.555.346.437	2.786.289.602
Ứng trước cho nhà cung cấp	18.889.155.990	33.740.282.939
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	11.997.503.370	18.309.181.920
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	4.891.652.620	13.431.101.019
Vay	69.635.355.130	64.730.595.070
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	17.953.784.000	15.260.716.400
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	19.599.360.930	19.200.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Hội	7.165.253.400	6.090.465.390
Bà Cao Thị Hồng Liên	4.916.956.800	4.179.413.280
Phải trả người bán ngắn hạn	20.344.109.647	57.331.404.885
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	4.550.929.232	14.738.577.844
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	15.793.180.415	42.592.827.041

Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị được hưởng như sau:

Tên thành viên ban điều hành	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc	125.550.000	164.300.000
Nguyễn Hồng Anh	Phó Tổng Giám đốc	435.935.472	434.886.750
Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc	84.870.000	10.800.000
Hà Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	284.193.400	319.080.125
	Miễn nhiệm ngày 21/09/2021		
Bùi Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc	383.100.000	323.996.762
Hà Hồng Thúy	Phó Tổng Giám đốc	380.082.489	322.311.230
Nguyễn Thị Hồng Phương	Phó Tổng Giám đốc	383.100.000	322.967.679

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

			
Khúc Thị Minh Phương Người lập	Khúc Thị Minh Phương Kế toán trưởng	Nguyễn Văn Hội Tổng Giám đốc	

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2022

